TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-02-2021
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 580/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1087/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hữu H; nơi cư trú: Số 70 D (số cũ là Tổ 20 khu 1B) phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Bị đơn: Chị Vũ Thị TA (tên gọi khác: Vũ Thị CA); nơi cư trú: Số 70 D (số cũ là Tổ 20 khu 1B) phường V, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Hữu H trình bày: Anh và chị TA xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày

16/8/2006, đến nay có 02 con chung là Lê Thị Như H, sinh ngày 12/12/1997 và Lê M, sinh ngày 17/7/2008. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm do bất đồng nhau về quan điểm sống, trái ngược nhau về tính cách. Từ đó, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không khí gia đình căng thẳng, nặng nề, không còn tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, cũng từ tháng 02/2020 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị TA. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con Lê Như H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đề nghị giao con Lê M cho anh được nuôi dưỡng đến khi thành niên; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về án phí: Anh H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại các buổi làm việc vào ngày 08/12/2020, ngày 15/12/2020; các buổi hoà giải vào ngày 22/12/2020, ngày 28/12/2020 và tại phiên tòa, chị TA đều vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Anh H và chị TA xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày vào ngày 16/8/2006, đến nay có 02 con chung. Quá trình chung sống, đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn chị TA; về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con Lê Thị Như H đã thành niên nên không xem xét; giao con Lê M cho anh H nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Anh Lê Hữu H khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị TA là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn chị Vũ Thị TA đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu H và chị Vũ Thị TA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/08/2006 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung nên tình cảm ngày càng xa cách, cũng từ tháng 02/2020 hai bên sống ly thân, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Tòa án để làm việc và tiến hành hoà giải nhưng chị TA đều không có mặt; tại phiên toà chị TA cũng không có mặt để đưa ra quan điểm của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, điều đó cho thấy chị TA đã không thực sự cố gắng trong việc hàn gắn những rạn nứt trong quan hệ tình cảm vợ chồng. Tiến hành thu thập chứng cứ xác M về thực trạng hôn nhân giữa anh H và chị TA tại nơi cư trú và gia đình cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra to tiếng, cãi vã nhau, gia đình đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do vậy, việc anh H đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị TA là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị TA đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho anh Lê Hữu H được ly hôn chị Vũ Thị TA là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Như H, sinh ngày 12/12/1997 và Lê M, sinh ngày 17/7/2008; con chung Lê Thị Như H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Hường xin được nuôi dưỡng con chung Lê M đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Hường có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu M và cháu M cũng có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo cho việc sinh hoạt và học tập ổn định của con chung cần giao cháu M cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hành cảnh thực tế và phù

hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Hữu H và chị Vũ Thị TA (tên gọi khác: Vũ Thị CA).

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Như H, sinh ngày 12/12/1997 và Lê M, sinh ngày 17/7/2008; con chung Lê Thị Như H đã thành niên nên không xem xét; giao con chung Lê M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này anh H đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0014156 ngày 18 tháng 11 năm 2020.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị TA được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p.Phan Bội Châu, q.Hồng Bàng, Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu H

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu H